

Speak Now 1_Unit 3 : People		Lesson 11-12 (SB 26 => 29 & WB 29)	
1) Grammar			
(Asking & Describing what someone is wearing)			
** What are you <u>wearing</u> today ? (Hôm nay bạn mặc gì ?)		>> I'm <u>wearing</u> a shirt and jeans. (Tôi mặc sơ mi và quần jeans.)	
** What <u>color</u> is your shirt ? (Áo sơ mi của bạn màu gì ?)		>> It's white. (Nó màu trắng.)	
** What is Anna <u>wearing</u> ? (Anna đang mặc gì ?)		>> She's wearing a dress. (Cô ta đang mặc đầm.)	
** What <u>color</u> is Anna's shirt ? (Áo sơ mi của Anna màu gì ?)		>> It's pink. (Nó màu hồng.)	
** <u>Who's</u> wearing a pink T-shirt ? (Ai đang mặc áo thun màu hồng ?)		>> It's Anna.	
2) Vocabulary			
(Clothes)			
(a) jacket	áo khoác	(a) scarf	khăn choàng cổ
(a) shirt	áo sơ mi	shorts	quần ngắn
(a) T-shirt	áo thun	pants (AE)	quần dài
(a) polo shirt	áo thun có cổ	trousers (BE)	
(a) skirt	váy	suit	bộ com lê
(a) dress	đầm	gloves (1,1,1,1,1)	găng tay
(a) sweater (AE)	áo len	mittens (1&4)	
(a) jumper (BE)		shoes	giày
(a) tie	cà vạt	boots	giày ống
(a) bow	cái nơ	slippers	dép lê (sd trong nhà)
(a) down vest	áo phao lông vũ	flip-flops	dép xỏ ngón
(a) headband	băng đô cài tóc	high heels	giày cao gót
(a) striped shirt	áo sơ mi sọc	sandals	dép có quai hậu
(a) plaid shirt	áo sơ mi ca rô	(a) hat > (a) cap	nón > mũ lưỡi trai